

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50 /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động
về vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1140/TTr-STNMT ngày 03/10/2014 về việc đề nghị ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động vật liệu san lấp không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được thực hiện theo Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 74/2012/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tư Pháp, Cục thuế, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các

huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản;
- Chi cục Khoáng sản miền Nam;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Công báo;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Võ Văn Chánh

QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50 /2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm
2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về trình tự, thủ tục đăng ký thăm dò, phê duyệt trữ lượng vật liệu san lấp; cấp, gia hạn giấy phép khai thác vật liệu san lấp và đóng cửa mỏ vật liệu san lấp (sau đây gọi tắt là cấp giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp).

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này được áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản; tổ chức, cá nhân trong nước hoạt động về vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện cấp giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp

1. Khu vực thăm dò, khai thác vật liệu san lấp phải phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

2. Khu vực được phép hoạt động về vật liệu san lấp là khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, đồng thời là khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt khu vực không đấu giá và không thuộc khu vực quy hoạch cấm, tạm thời cấm, khu vực dự trữ hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

3. Khai thác vật liệu san lấp nhằm mục đích phục vụ thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

4. Khu vực được cấp phép khai thác vật liệu san lấp là khu vực đã được thăm dò và chỉ có khoáng sản làm vật liệu san lấp;

5. Diện tích cấp phép hoạt động về vật liệu san lấp tối thiểu là 0,5 ha và tối đa là 05 ha; Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn không quá 03 năm và chỉ được gia hạn 01 lần và thời gian gia hạn không quá 01 năm; công suất khai thác không vượt quá 100.000m³/năm (vật liệu nguyên khai);

6. Khi kết thúc hoạt động khai thác vật liệu san lấp thì khu vực khai thác phải được cải tạo để tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

7. Tổ chức, cá nhân được hoạt động về vật liệu san lấp phải đủ điều kiện theo quy định tại Điều 34, Điều 51 của Luật Khoáng sản và Điều 14, Điều 23 của Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012.

Chương II

THỦ TỤC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG VỀ VẬT LIỆU SAN LẤP

Điều 3. Hồ sơ lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò và cấp Giấy phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng vật liệu san lấp

1. Hồ sơ lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò vật liệu san lấp, nộp 01 bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị lựa chọn cấp Giấy phép thăm dò (mẫu số 01/TD);

b) Bản đồ trích lục thửa đất khu vực đề nghị thăm dò có tỷ lệ phù hợp với diện tích khu vực thăm dò, nhưng không nhỏ hơn tỷ lệ 1/2.000;

c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực).

2. Hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò vật liệu san lấp, nộp 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thăm dò (mẫu số 02/TD);

b) Đề án thăm dò (mẫu số 03/TD);

c) Bản đồ trích lục thửa đất khu vực thăm dò có tỷ lệ phù hợp với diện tích khu vực thăm dò, nhưng không nhỏ hơn tỷ lệ 1/2.000;

d) Bản sao văn bản chấp thuận lựa chọn cấp phép thăm dò (có chứng thực).

3. Hồ sơ phê duyệt trữ lượng vật liệu san lấp, nộp 01 bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng (mẫu số 04/TL);

b) Bản sao giấy phép thăm dò (có chứng thực);

c) Báo cáo kết quả thăm dò kèm theo các kết quả phân tích chất lượng vật liệu san lấp, tính toán trữ lượng kèm theo bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

Điều 4. Hồ sơ cấp, gia hạn, đóng cửa mỏ vật liệu san lấp

1. Hồ sơ cấp Giấy phép khai thác vật liệu san lấp, nộp 01 bộ, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác (Mẫu số 05/KT);
- b) Bản đồ địa hình thửa đất khu vực cấp phép có tỷ lệ phù hợp với diện tích khu vực cấp phép nhưng không nhỏ hơn tỷ lệ 1/2.000;
- c) Văn bản thẩm định trữ lượng, kèm theo Báo cáo kết quả thăm dò;
- d) Bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

2. Hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác vật liệu san lấp, nộp 01 bộ, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác (Mẫu số 06/KT);
- b) Bản đồ hiện trạng mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ 1/500 do đơn vị có chức năng lập.
- c) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác kể từ khi được cấp phép đến thời điểm gia hạn (Mẫu số 07/KT);
- d) Các chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động khai thác vật liệu san lấp;

Hồ sơ xin gia hạn Giấy phép khai thác vật liệu san lấp phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hiệu lực ít nhất là 30 ngày làm việc. Trong trường hợp Giấy phép khai thác vật liệu san lấp đã hết hạn nhưng hồ sơ đề nghị gia hạn đang được cơ quan có thẩm quyền xem xét thì tổ chức, cá nhân được tiếp tục khai thác theo giấy phép đến thời điểm được gia hạn hoặc đến khi có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

3. Hồ sơ đóng cửa mỏ vật liệu san lấp, nộp 01 bộ, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị đóng cửa mỏ (Mẫu số 08/ĐCM);
- b) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác (kể từ khi được cấp phép khai thác) và công tác cải tạo phục hồi môi trường để đóng cửa mỏ (Mẫu số 09/ĐCM);
- c) Bản đồ địa hình hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ, theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 do đơn vị có chức năng lập;
- d) Giấy phép khai thác vật liệu san lấp;
- đ) Các chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động khai thác vật liệu san lấp;

Hồ sơ đóng cửa mỏ vật liệu san lấp phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hiệu lực ít nhất là 30 ngày làm việc.

Chương III

TRÌNH TỰ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU SAN LẤP

Điều 5. Cơ quan tiếp nhận và thẩm định hồ sơ hoạt động về vật liệu san lấp

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định đề án, báo cáo thăm dò khoáng sản tỉnh Đồng Nai;

3. Các sở, ngành liên quan và địa phương nơi có hoạt động về vật liệu san lấp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình giải quyết hồ sơ hoạt động về vật liệu san lấp.

4. Trường hợp phải lấy ý kiến của các Sở, ngành và địa phương về hoạt động vật liệu san lấp, các đơn vị được lấy ý kiến phải trả lời bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, sau thời gian nêu trên Sở Tài nguyên và Môi trường không nhận được ý kiến của các đơn vị phối hợp thì xem như các đơn vị thống nhất;

5. Trường hợp các cơ quan có ý kiến khác nhau, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì làm việc với các đơn vị để thống nhất và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Trình tự thực hiện

1. Lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò vật liệu san lấp

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lựa chọn cấp Giấy phép thăm dò của tổ chức, cá nhân (thời hạn trên không bao gồm thời gian bổ sung, chỉnh sửa lại hồ sơ), Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc theo trình tự sau:

a) Rà soát hồ sơ, đối chiếu quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh, thông báo trên trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc;

b) Phối hợp các Sở, ngành có liên quan và địa phương kiểm tra thực địa và thống nhất ý kiến về vị trí lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò, thời gian thực hiện 14 ngày làm việc;

c) Tổng hợp ý kiến các Sở, ngành có liên quan và địa phương và quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân được phép lập hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò hoặc có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thời gian thực hiện 04 ngày làm việc.

2. Cấp Giấy phép thăm dò vật liệu san lấp.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò của tổ chức, cá nhân (không kể thời gian bổ sung, chỉnh sửa lại hồ sơ), Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc theo trình tự sau:

a) Kiểm tra và gửi hồ sơ lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc;

b) Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định đề án, báo cáo thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn (sau đây gọi tắt là Hội đồng khoáng sản), báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định tổ chức họp Hội đồng thẩm định đề án thăm dò vật liệu san lấp (trong trường hợp cần thiết) hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức cá nhân bổ sung hồ sơ, thời gian thực hiện 15 ngày làm việc;

c) Tổng hợp hồ sơ, báo cáo UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy phép thăm dò, thời gian thực hiện 03 ngày làm việc.

3. Thẩm định phê duyệt trữ lượng vật liệu san lấp.

Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc theo trình tự sau:

a) Kiểm tra và gửi hồ sơ lấy ý kiến góp ý của các thành viên hội đồng khoáng sản, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc;

b) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các thành viên hội đồng có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi cơ quan thường trực Hội đồng khoáng sản;

c) Tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng gửi chủ đầu tư chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò phê duyệt trữ lượng, thời gian thực hiện 04 ngày làm việc;

d) Sau khi nhận được hồ sơ đã chỉnh sửa, trong thời gian 07 ngày làm việc báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định tổ chức họp Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thăm dò vật liệu san lấp (trong trường hợp cần thiết) hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức cá nhân bổ sung hồ sơ;

đ) Tổng hợp hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trữ lượng, thời gian thực hiện 03 ngày làm việc.

4. Cấp Giấy phép khai thác vật liệu san lấp.

Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc theo trình tự sau:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác vật liệu san lấp, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc;

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép vật liệu san lấp, trường hợp phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thực hiện 08 ngày làm việc;

c) Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp Giấy phép khai thác vật liệu san lấp, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

5. Gia hạn Giấy phép khai thác vật liệu san lấp.

Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc theo trình tự sau:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc;

b) Phối hợp các Sở, ngành có liên quan và địa phương kiểm tra thực địa, thời gian thực hiện 10 ngày làm việc;

c) Tổng hợp ý kiến các đơn vị tham gia kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc gia hạn Giấy phép, thời gian thực hiện 04 ngày làm việc.

6. Đóng cửa mỏ vật liệu san lấp.

Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc theo trình tự sau:

a) Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc;

b) Phối hợp các Sở, ngành có liên quan và địa phương kiểm tra thực địa, thời gian thực hiện 10 ngày làm việc;

c) Tổng hợp ý kiến các đơn vị tham gia kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đóng cửa mỏ, thời gian thực hiện 04 ngày làm việc.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình.

Sau 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển lại hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép về lý do giấy phép không được cấp.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giao giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép hoạt động về vật liệu san lấp và thu lệ phí cấp phép theo quy định; thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện quy định này và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động về vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 1 hàng năm, đồng thời báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong quá trình thực hiện quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành và địa phương phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ LỰA CHỌN CẤP PHÉP THĂM DÒ VLSL

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Sở Tài nguyên và Môi trường.

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... ngày.... tháng.... năm... của
(Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).....(nếu có).

Đề nghị được lựa chọn cấp phép thăm dò VLSL..... tại xã.....,
huyện..... tỉnh

Diện tích là.....(ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc
..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THĂM DÒ VLSSL

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Sở Tài nguyên và Môi trường.

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... ngày.... tháng.... năm... của
(Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).....(nếu có).

Thực hiện văn bản số/..... ngàycủa Sở Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận cho(Tên tổ chức, cá nhân) được lập hồ sơ thăm dò thăm dò VLSSL..... tại xã....., huyện..... tỉnh.....

Diện tích là.....(ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Nay(Tên tổ chức, cá nhân) đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp giấy phép thăm dò mỏ VLSSL tại tại xã....., huyện..... (đính kèm đề án thăm dò)

Thời gian thăm dò (tháng, năm), kể từ ngày ký Giấy phép.

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

(Tên tổ chức, cá nhân)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...

A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.
- Sơ bộ về công nghệ khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh tế.
- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập đề án).
- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.
- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công làm cơ sở dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp địa chất đã triển khai trong giai đoạn trước: những tồn tại, hạn chế.

- Đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng), khoan.

- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích các loại mẫu, dự kiến nơi gửi phân tích và cách thức kiểm tra chất lượng phân tích mẫu.

- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.

- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

Tất cả các dạng công tác nêu trên nhất thiết phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện cụ thể cho từng hạng mục theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình dự kiến thi công bắt buộc phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án thăm dò.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

CHƯƠNG IV

DỰ KIẾN PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoanh vẽ thân quặng và dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích khu vực thăm dò.

CHƯƠNG V

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng, bản đồ khu vực thăm dò và bản đồ thân khoáng sản (nếu có).
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

Mẫu số 04/TL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Sở Tài nguyên và Môi trường.

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Nay (Tên tổ chức, cá nhân)..... đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dòtheo Giấy phép thăm dò số của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tên báo cáo).....

(Tên tổ chức, cá nhân).....xin chịu trách nhiệm trước (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sảnvề tính trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thủy trong nội dung báo cáo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản để làm cơ sở xin cấp phép khai thác mỏ./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)